

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/LĐ-ST
Ngày: 18-7-2018
V/v tranh chấp về tiền
lương, tiền ký quỹ trong hợp
đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Ngân; Chức vụ: Cán bộ hưu trí; Nguyên là Chủ tịch Công đoàn huyện C;

2. Ông Thái Văn Lộc; Chức vụ: Cán bộ hưu trí; Nguyên là Trưởng phòng nội vụ huyện C.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hồng Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số: 01/2018/TLST-LĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc: “Tranh chấp về tiền lương và tiền ký quỹ trong hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1982; có mặt

HKTT: Số 93, đường M, phường A, Quận S, Tp. Hồ Chí Minh.

Trú tại: Tổ 14, ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt Công ty TNHH T).

Địa chỉ trụ sở: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D; sinh năm 1973; Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, ấp 3, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2018 và lời trình bày của anh Phạm Văn N tại phiên tòa:

Đầu năm 2015 anh bắt đầu làm làm việc cho Công ty TNHH T, công việc làm là nhân viên lái xe chất lượng cao cho Công ty, lương tính theo tua (một tua được tính là chạy từ bến xe C, Tây Ninh đến bến xe An Suông và ngược lại) cứ một tua Công ty trả 140.000 đồng, một ngày anh chạy ba tua. Một tháng trả lương một lần vào ngày 20 dương lịch hàng tháng. Công ty yêu cầu anh đóng tiền ký quỹ cho Công ty 10.000.000 đồng. Anh đã nộp số tiền này nhưng thời điểm đó Công ty không ghi phiếu nhận tiền cho anh. Quá trình làm việc từ đầu năm 2015 đến 23/12/2016, Công ty ký với anh 4 hợp đồng như sau:

Ngày 04/4/2015 ký kết Hợp đồng lao động có thời hạn từ 04/4/2015 đến 04/7/2015.

Ngày 01/10/2015 ký kết hợp đồng có thời hạn đến ngày 31/12/2015.

Ngày 01/01/2016 Công ty giao cho anh một bản hợp đồng có thời hạn từ 01/01/2015 đến 31/3/2016 nhưng hai bên không ký tên vào hợp đồng.

Ngày 01/7/2016 ký kết hợp đồng có thời hạn đến 31/12/2016.

Công việc, tiền lương và nội dung của bốn hợp đồng trên vẫn như thỏa thuận và hợp đồng ban đầu.

Thời gian dán đoạn giữa các hợp đồng trên anh vẫn tiếp tục chạy xe cho Công ty và vẫn hưởng lương như trong hợp đồng ký kết cho đến khi ký hợp đồng mới.

Quá trình thực hiện hợp đồng do Công ty không trả đủ tiền lương, đến ngày 23/12/2016, anh làm đơn xin nghỉ việc gửi trước cho Công ty. Công ty đã đồng ý cho anh được nghỉ việc, làm giấy hẹn để lấy lại tiền ký quỹ. Anh chạy xe hết ngày 31/12/2016. Khi nghỉ việc, Công ty chưa thanh toán tiền lương của anh tháng 3 và tháng 4/2016 số tiền 9.500.000 đồng. Công ty có viết cho anh phiếu thu (nợ tiền lương hai tháng trên) vào ngày 29/7/2016 và hẹn tới tháng 9/2016 sẽ trả, nhưng qua nhiều lần đòi nợ đến nay chưa thanh toán cho anh.

Ngày 28/3/2016 Công ty mới ghi bổ sung cho anh phiếu thu nhận tiền ký quỹ 10.000.000 đồng mà năm 2015 anh đã đóng, kế toán Công ty là Bùi Thị Hồng Đ có làm cho anh giấy hẹn nợ đến ngày 24/4/2017 sẽ trả cho anh tiền ký quỹ. Đến ngày hẹn anh đến nhận tiền nhưng Công ty không trả, anh gặp ông D thì ông D ghi cho anh là đề nghị đồng chí Q xem xét giải quyết cho anh nhưng Công ty vẫn chưa trả lại cho anh đến nay.

Anh đã làm đơn gửi Phòng lao động thương binh xã hội huyện C và Liên đoàn lao động huyện yêu cầu giải quyết nhưng do đại diện Công ty không đến nên hoà giải không thành. Anh làm đơn khởi kiện tại Toà án huyện Châu Thành yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty TNHH T trả cho anh hai tháng tiền lương (tháng 3, 4/2016) là 9.500.000 đồng và tiền ký quỹ là 10.000.000 đồng, trả cho anh tiền trợ cấp thôi việc là 10.800.000 đồng.

Ngày 16/4/2018 trong quá trình ghi lời khai anh thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty trả cho anh tiền trợ cấp thôi việc số tiền 10.800.000 đồng. Chỉ yêu cầu Công ty trả cho anh tiền lương (tháng 3, 4/2016) là 9.500.000 đồng và tiền ký quỹ là 10.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Chứng cứ anh cung cấp cho Tòa án gồm có: Hai bản gốc phiếu thu ngày 28/3/2016 và ngày 29/7/2016; 04 bản gốc hợp đồng lao động; Một bản gốc giấy hẹn nợ; Hai biên bản hòa giải tranh chấp lao động.

Bị đơn Công ty TNHH T do ông Nguyễn Văn D là người đại diện theo pháp luật vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH T trả cho anh N tiền lương còn nợ 9.500.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền ký quỹ. Tổng cộng số tiền là 19.500.000 đồng. Án phí bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa và các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Công ty TNHH T có trụ sở tại khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh, và hiện tại Công ty vẫn đang hoạt động. Tòa án đã gửi các văn bản tham

gia tố tụng theo quy định Pháp luật nhưng đại diện Công ty vẫn vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Công ty TNHH T.

[2] Về điều kiện khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền:

Anh N khởi kiện Công ty TNHH T thiếu tiền lương và tiền ký quỹ của anh trong thời gian anh hợp đồng lao động tại Công ty, thuộc trường hợp tranh chấp hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn có địa chỉ trụ sở tại khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 24/4/2017 Công ty hẹn trả tiền lương và ký quỹ còn thiếu cho anh N, nhưng không trả. Anh N đã có đơn khiếu nại và hòa giải viên lao động đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành. Ngày 22/3/2018 anh N khởi kiện đến TAND huyện C là còn trong thời hiệu, điều kiện khởi kiện, Điều 201, khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động,

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh N thấy rằng:

Anh yêu cầu Công ty TNHH T trả tiền lương còn thiếu và tiền ký quỹ tổng cộng là 19.500.000 đồng.

Căn cứ vào hợp đồng lao động đã ký kết giữa anh N với Công ty TNHH T; Căn cứ vào phiếu thu không số ngày 28/3/2016 và phiếu thu số 02 ngày 29/7/2016 do anh N cung cấp, có chữ ký tên đóng dấu của đại diện Công ty xác định còn thiếu tiền lương của anh N là 9.500.000 đồng và tiền ký quỹ 10.000.000 đồng, cùng với giấy hẹn trả nợ của của kế toán Công ty, với nội dung hẹn ngày 24/4/2017 sẽ trả tiền ký quỹ cho anh N, có xét duyệt của ông D đại diện Công ty.

Việc Công ty không thanh toán tiền lương tháng 3 và tháng 4 năm 2016 cho anh N là vi phạm nguyên tắc trả lương cho người lao động theo quy định tại Điều 96 Bộ luật lao động năm 2012.

Đối với tiền ký quỹ 10.000.000 đồng: Theo quy định của Bộ luật lao động năm 2012, không cho phép người sử dụng lao động buộc người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác. Do đó Công ty yêu cầu anh N đóng tiền ký quỹ 10.000.000 đồng là vi phạm quy định khoản 2 Điều 20 BLLĐ năm 2012, cần buộc Công ty trả lại cho anh N số tiền trên.

Quá trình tham gia tố tụng bên bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ nào khác chứng minh phản bác lại ý kiến

của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, yêu cầu của anh N là có cơ sở chấp nhận, cần buộc Công ty TNHH T trả cho anh N tiền lương còn nợ 9.500.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền ký quỹ. Tổng cộng là 19.500.000 đồng là phù hợp khoản 2 Điều 20, Điều 96 BLLĐ năm 2012 phù hợp với chứng cứ do anh N cung cấp. Anh N không yêu cầu Công ty trả lãi đối với số tiền trên nên ghi nhận.

[4]. Về số tiền tiền trợ cấp thôi việc 10.800.000 đồng, quá trình công khai chứng cứ và tại phiên tòa anh N đã rút yêu cầu nên áp dụng Điều 217 BLTTDS 2015, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh N. Anh được quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Công ty TNHH T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự là 3% đối với số tiền phải trả cho anh N thành tiền 585.000 đồng là phù hợp Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 147, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 20; khoản 1 Điều 36; Điều 96; khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn N. Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Văn N 10.000.000 đồng tiền ký quỹ và 9.500.000 đồng tiền lương tháng 3, 4/2016. Tổng cộng hai khoản là 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh N đối với Công ty TNHH T về số tiền tiền trợ cấp thôi việc 10.800.000 đồng. Anh N được quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Công ty TNHH T phải chịu 585.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí lao động sơ thẩm. Anh N không phải chịu tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thu